TỜ KHAI HÀNH LÝ CỦA TRẺ EM ĐI MỘT MÌNH

***혼자 여행하는 어린이를 위한 수하물 신고서***

Tôi tên là *(이름):* ......................................................................................................................................

Giới tính *(성별):* ................................ Ngày sinh *(생년월일):* ............................................................... Số CCCD/CMND/Hộ chiếu *(주민등록증/신분증/여권번호):* .............................................................. Địa chỉ liên hệ *(주소):* ..............................................................................................................................

Số điện thoại *(전화 번호) :* ......................................................................................................................

Là người giám hộ của khách trẻ em đi một mình có tên

*(이름이 다음과 같은 비동반 미성년자의 보호자입니다):*

...................................................................................................................................................................

Quan hệ với khách là trẻ em đi một mình *(혼자 여행하는 어린이와의 관계) :*

.................................................................................................................................................................. Số hiệu chuyến bay *(항공편 번호):* ...............................Ngày bay *(비행 날짜):* ................................... Hành trình *(일정) :* ..................................................................................................................................

Số thẻ hành lý *(수하물 태그 번호)*:........................................................................................................

Với tư cách là người giám hộ, tôi nắm rõ và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung bên trong hành lý của khách (*저는 보호자로서:* ……………………………………..*승객의 수하물 내용물에 대해 숙지하고 책임을 질 것을 보증합니다).* Khách không mang đồ dùng, hành lý hộ người khác và bên trong hành lý không bao gồm các vật dụng/hàng hóa nguy hiểm hoặc không được phép vận chuyển theo quy định của Vietnam Airlines, pháp luật nhà nước Việt Nam và nước sở tại điểm đến *(승객은 다른 사람을 위한 소지품이나 수하물을 휴대하지 않으며, 수하물에는 위험하거나 베트남 항공 규정, 베트남 및 도착 국가 법률에 따라 운송이 허용되지 않는 품목/상품이 포함되어 있지 않습니다)* .

Nội dung bên trong hành lý bao gồm *(수하물 안에 다음 내용물이 포함됩니다):*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thứ tự  *(순서)* | Tên đồ dùng, vật dụng (mô tả)  *기구 및 품목 이름 (설명)* | Số lượng  *(수량)* | Ghi chú  *(비고)* |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đầy đủ và hoàn toàn đúng sự thật. Tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp phát sinh các vấn đề liên quan đến hành lý của khách *(위의 내용이 충분하고 사실임을 약소합니다 : …………………….승객의 수하물과 관련하여 문제가 발생할 경우 법에 따라 모든 책임을 집니다)*.

Vietnam Airlines có quyền từ chối vận chuyển nếu phát hiện các nội dung trên không đúng sự thật

*(위의 내용이 허위로 판명될 경우 베트남항공은 운송을 거부할 권리가 있습니다)*.

**Người kê khai Đại diện Vietnam Airlines**

**(***작성자***) (***베트남 항공 대표***)**